



DANH MỤC PHÉP THỬ ĐƯỢC CÔNG NHẬN

LIST OF ACCREDITED TESTS

(Kèm theo quyết định số/Attachment with decision: /QĐ – VPCNCLQG
ngày tháng năm 2025 của Giám đốc Văn phòng Công nhận chất lượng
quốc gia/of BoA Director)

Tên phòng thí nghiệm:	Phòng thử nghiệm không phá hủy
Laboratory:	Non - Destructive Testing Department
Tổ chức/Cơ quan chủ quản:	Công ty TNHH thương mại và dịch vụ kỹ thuật CANDT
Organization:	CANDT Trading and Technology Service Co., Ltd
Số hiệu/ Code:	VILAS 1253
Chuẩn mực công nhận Accreditation criteria	ISO/IEC 17025:2017
Lĩnh vực:	Thử nghiệm không phá hủy
Field:	Non-Destructive Testing (NDT)
Người quản lý/ Laboratory manager:	Lê Trung Quốc Thương
Hiệu lực công nhận Period of Validation:	Kể từ ngày /12/2025 đến ngày 05/12/2030
Địa chỉ/Address:	Đường số 7, KCN Đông Xuyên, Phường Rạch Dừa, Thành Phố Hồ Chí Minh Road No. 7, Dong Xuyen IP, Rach Dua Ward, Ho Chi Minh City
Địa điểm/ Location:	Đường số 7, KCN Đông Xuyên, Phường Rạch Dừa, Thành Phố Hồ Chí Minh Road No. 7, Dong Xuyen IP, Rach Dua Ward, Ho Chi Minh City
Điện thoại/ Tel:	0254 3626 595
Email:	info@candt.com.vn
Website:	www.candt.com.vn

DANH MỤC PHÉP THỬ ĐƯỢC CÔNG NHẬN

LIST OF ACCREDITED TESTS

VILAS 1253

Lĩnh vực: Thử nghiệm không phá hủy (x)

Field: Non-Destructive Testing (NDT)

TT	Tên sản phẩm, vật liệu được thử/ <i>Materials or product tested</i>	Tên phép thử cụ thể/ <i>The name of specific tests</i>	Giới hạn định lượng (nếu có)/ Phạm vi đo <i>Limit of quantitation (if any)/range of measurement</i>	Phương pháp thử/ <i>Test method</i>
1.	Mối hàn kim loại <i>Welds on metal</i>	Phát hiện vết nứt và bất liên tục. Phương pháp kiểm tra từ tính (MT) <i>Detecting crack and discontinuities.</i> <i>Magnetic particle method (MT)</i>	-	ASME V-Article 7: 2025 ASTM E709: 2021 API RP-2X: 2014 (R2020)- Sec. 8 ISO 9934-1:2016 EN ISO 9934-1:2016 ISO 17638 : 2016 EN ISO 17638 :2016 DNV-CG-0051: 2022 – Sec. 4 & DNV-ST-F101: 2021- App. D2.5 AS 1171: 1998 TCVN 11759: 2016
2.		Phát hiện vết nứt và bất liên tục. Phương pháp kiểm tra thẩm thấu chất lỏng (PT) <i>Detecting crack and discontinuities.</i> <i>Liquid penetrant testing (PT)</i>	-	ASME V-Article 6: 2025 ASTM E165/E165M: 2023 ISO 3452-1:2021 EN ISO 3425-1:2021 DNV-CG-0051: 2022 – Sec. V & DNV-ST-F101: 2021 App. D2.6 AS/NZS ISO 3452.1:2023 TCVN 4617: 2018

DANH MỤC PHÉP THỬ ĐƯỢC CÔNG NHẬN

LIST OF ACCREDITED TESTS

VILAS 1253

TT	Tên sản phẩm, vật liệu được thử/ <i>Materials or product tested</i>	Tên phép thử cụ thể/ <i>The name of specific tests</i>	Giới hạn định lượng (nếu có)/ Phạm vi đo <i>Limit of quantitation (if any)/range of measurement</i>	Phương pháp thử/ <i>Test method</i>
3.	Mối hàn kim loại <i>Welds on metal</i>	Kiểm tra khuyết tật. Phương pháp chụp ảnh phóng xạ (RT) <i>Examination defect.</i> <i>Radiographic testing (RT)</i>	2,5 mm ~ 89 mm	ASME V-Article 2: 2025 ASTM E94:2022 API 1104: 2021-Para. 11.1.1 (RF) AWS D1.1:2025-Clause 8. –Part E & Clause 10.27 (RF) AWS D1.5:2025 AWS D1.6: 2017 ISO 17636-1:2022 EN ISO 17636-1:2022 DNV-CG-0051: 2022 – Sec. 6 & DNV-ST-F101: 2021-App.D2.2 (RF) AS 2177: 2006 TCVN 11758-1:2016
4.		Kiểm tra khuyết tật. Phương pháp siêu âm (UT) <i>Examination defect.</i> <i>Ultrasonic testing (UT)</i>	≤ 200 mm	ASME V-Article 4: 2025 ASTM E587: 2020 API 1104: 2021-Para. 11.4 API RP-2X:2014 (R2020)- Sec. 7 AWS D1.1:2025 Clause 8 Part F & Para.10.29 AWS D1.5:2025 AWS D1.6: 2017 ISO 17640:2018 EN ISO 17640:2018 ISO 10160: 1999 DNV-CG-0051: 2022 Sec. 7& DNV-ST-F101: 2021 –App. D2.3 AS 1710: 2007 AS 2207: 2007 (R2017) TCVN 6735: 2018

DANH MỤC PHÉP THỬ ĐƯỢC CÔNG NHẬN

LIST OF ACCREDITED TESTS

VILAS 1253

TT	Tên sản phẩm, vật liệu được thử/ <i>Materials or product tested</i>	Tên phép thử cụ thể/ <i>The name of specific tests</i>	Giới hạn định lượng (nếu có)/ Phạm vi đo <i>Limit of quantitation (if any)/range of measurement</i>	Phương pháp thử/ <i>Test method</i>
5.	Mối hàn kim loại <i>Welds on metal</i>	Kiểm tra khuyết tật. Phương pháp siêu âm mảng pha (PAUT) <i>Examination defect.</i> <i>Phased array ultrasonic testing (PAUT)</i>	≤ 200 mm	ASME V-Article 4: 2025 ASTM E2700: 2020 AWS D1.1:2025 –Annex H AWS D1.5:2025 AWS D1.6: 2017 ISO 20601: 2018 ISO 13588:2019 EN ISO 13588:2019 DNV-CG-0051: 2022-App A & DNV-ST-F101: 2021-App. D2.3
6.		Kiểm tra ngoại quan (VT) <i>Visual Testing (VT)</i>	-	ASME V-Article 9: 2025 ISO 17637:2016 EN ISO 17637:2016 DNV-CG-0051: 2022-Sec.8 & và DNV-ST-F101: 2021-App.2.8 AS/NZS ISO 17637:2019 TCVN 7507: 2016
7.	Vật liệu kim loại <i>Metallic materials</i>	Đo độ dày vật liệu. Phương pháp thử công tiếp xúc xung siêu âm <i>Measuring thickness.</i> <i>Manual pluse-echo contact method</i>	≤ 500 mm	ASME V-Article 5: 2025 ASTM E797-21 ISO 16809:2017

Chú thích/ Note:

(x): Phép thử có thực hiện tại hiện trường/ *Testing on- site*

ASME: *American Society of Mechanical Engineer*

ASTM: *American Society for Testing and Material*

AS/NZS: *Australian/New Zealand Standard*

DNV: *Det Norske Veritas*

AWS: *American Welding Society*

API: *American Petroleum Institute*

Trường hợp Công ty TNHH thương mại và dịch vụ kỹ thuật CANDT cung cấp dịch vụ thử nghiệm chất lượng sản phẩm, hàng hoá thì Công ty TNHH thương mại và dịch vụ kỹ thuật CANDT phải đăng ký hoạt động và được cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động theo quy định của pháp luật trước khi cung cấp dịch vụ này/ *It is mandatory for CANDT Trading and Technology Service Co., Ltd that provides product quality testing services must register their activities and be granted a certificate of registration according to the law before providing the service*

